

Số: 11 /2024/QĐ-UBND

Lào Cai, ngày 14 tháng 6 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

**Quy định định mức số lượng học sinh trên lớp trong một số trường hợp đặc biệt tại các cơ sở giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Lào Cai**

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông và các trường chuyên biệt công lập;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 78/TTr-SGD&ĐT ngày 12 tháng 6 năm 2024.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

#### **1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định định mức số lượng học sinh trên lớp trong một số trường hợp đặc biệt tại các cơ sở giáo dục phổ thông và phổ thông dân tộc bán trú công lập trên địa bàn tỉnh Lào Cai, bao gồm:

- a) Trường tiểu học;
- b) Trường trung học cơ sở;
- c) Trường trung học phổ thông;
- d) Trường phổ thông có nhiều cấp học;
- đ) Trường phổ thông dân tộc bán trú;
- e) Các cơ sở giáo dục nêu tại điểm a, b, c, d, đ Khoản 1 Điều này sau đây gọi chung là cơ sở giáo dục phổ thông công lập.

#### **2. Đối tượng áp dụng**

- a) Các cơ sở giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Lào Cai;
- b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện định mức số lượng học sinh trên lớp của các cơ sở giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

### **Điều 2. Quy định định mức số lượng học sinh trên lớp trong một số trường hợp đặc biệt tại các cơ sở giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Lào Cai**

1. Định mức số lượng học sinh trên lớp đối với cấp tiểu học tại các điểm trường lẻ thuộc cơ sở giáo dục tiểu học, cơ sở giáo dục tiểu học và trung học cơ sở:

- a) Tại các điểm trường lẻ có từ 15 học sinh trở xuống: Số học sinh/lớp được xác định bằng tổng số học sinh tại điểm trường và được tính 01 lớp;
- b) Tại các điểm trường lẻ có từ 16 học sinh đến dưới 50 học sinh mà phải bố trí lớp ghép: Số học sinh của 01 lớp ghép thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 16 Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Điều lệ trường tiểu học; số học sinh của 01 lớp còn lại được xác định bằng tổng số học sinh còn lại tại điểm trường;

c) Tại các điểm trường lẻ có từ 16 học sinh đến dưới 50 học sinh mà không phải bố trí lớp ghép: Số học sinh/lớp là bình quân của tổng số học sinh tại điểm trường và được tính 02 lớp.

2. Định mức số lượng học sinh trên lớp đối với cấp trung học cơ sở tại cơ sở giáo dục trung học cơ sở, cơ sở giáo dục tiểu học và trung học cơ sở có quy mô nhỏ:

a) Tại các cơ sở giáo dục có từ 45 học sinh/Khối lớp trở xuống: Số học sinh/lớp của Khối lớp đó được xác định bằng tổng số học sinh của Khối lớp và được tính 01 lớp;

b) Tại các cơ sở giáo dục có từ 46 học sinh đến dưới 70 học sinh/Khối lớp: Số học sinh/lớp của Khối lớp đó là bình quân của tổng số học sinh trong khối lớp và được tính 02 lớp.

3. Các cơ sở giáo dục phổ thông công lập (trừ các trường hợp quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này) còn dư số học sinh sau khi tính số học sinh/lớp theo quy định tại Khoản 2 Điều 3 Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT: Bình quân số học sinh/lớp bằng tổng số học sinh tại cơ sở giáo dục chia cho số lớp được xác định theo quy định tại Khoản 2 Điều 3 Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT (khi không tính số học sinh dư nêu trên) theo từng khối lớp của từng cấp học.

### **Điều 3. Trách nhiệm thực hiện**

#### **1. Sở Giáo dục và Đào tạo**

a) Chịu trách nhiệm về số lượng cơ sở giáo dục phổ thông công lập theo vùng, số lượng học sinh, số lớp của từng cấp học phổ thông theo từng năm học theo thẩm quyền quản lý;

b) Chỉ đạo các cơ sở giáo dục phổ thông công lập thực hiện việc bố trí số lượng học sinh/lớp đảm bảo theo quy định tại Quyết định này;

c) Chủ trì phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố tổng hợp, tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo hàng năm;

d) Chủ trì phối hợp với Sở Nội vụ tổng hợp số lượng người làm việc hằng năm của các cơ sở giáo dục phổ thông công lập trong kế hoạch số lượng người làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; xác định các đơn vị cấp xã theo từng vùng hằng năm làm căn cứ để tính định mức số lượng học sinh/lớp cho các cơ sở giáo dục phổ thông công lập.

#### **2. Sở Nội vụ**

a) Chủ trì phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo hằng năm;

b) Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp số lượng người làm việc hằng năm của các cơ sở giáo dục phổ thông công lập trong kế hoạch số lượng người làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; xác định các đơn vị cấp xã theo từng vùng hằng năm làm căn cứ để tính định mức số lượng học sinh/lớp cho các cơ sở giáo dục phổ thông công lập.

#### **3. Sở Tài chính**

Căn cứ số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước do cấp có thẩm quyền quyết định, căn cứ khả năng cân đối ngân sách, tham mưu cấp thẩm quyền đảm bảo kinh phí thường xuyên theo quy định.

#### 4. Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố

a) Chịu trách nhiệm về số lượng cơ sở giáo dục phổ thông công lập theo vùng, số lượng học sinh, số lớp của từng cấp học theo từng năm học trên địa bàn thuộc thẩm quyền quản lý;

b) Hằng năm, trên cơ sở số lớp học, tổng hợp gửi Sở Nội vụ nhu cầu số lượng người làm việc theo phân cấp quản lý; đồng thời, gửi Sở Giáo dục và Đào tạo để theo dõi;

c) Căn cứ quy định bố trí số lượng học sinh/lớp của Quyết định này, hằng năm tổng hợp, đề xuất chỉ tiêu kế hoạch phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo trên địa bàn quản lý gửi Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

#### Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 6 năm 2024

2. Trường hợp các văn bản, quy định được viện dẫn trong Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, bãi bỏ thì thực hiện theo các văn bản mới.

#### Điều 5. Trách nhiệm thi hành

1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Giáo dục và Đào tạo, Nội vụ, Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố; người đứng đầu cơ sở giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Lào Cai; Thủ trưởng cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết. *tt*

#### Nơi nhận:

- Như Khoản 1 Điều 5 QĐ;
- Cục NGCBQLGD, Vụ Pháp chế Bộ GDĐT;
- Cục kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh, Công báo Lào Cai;
- Các Sở: GD&ĐT, Nội vụ, Tài chính, Tư pháp;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, VX1, NC2. *tt*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



★Trịnh Xuân Trường

